

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 17/2024/DS-ST

Ngày: 12-3-2024.

"*V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui
và vay tài sản*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Huỳnh Văn Hồng**.

2. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia
phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2023/TLST – DS ngày 24 tháng
11 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản*" theo quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa
các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim Th** – sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1/ Chị **Nguyễn Thị Tu** – sinh năm: 1979 (có mặt)

2/ Anh **Trần Văn T** – sinh năm: 1977 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim Th là chủ thảo của các dây hui trong đó có chị Tu là
hui viên tham gia 03 dây hui như sau:

Dây thứ nhất: Hui 2.000.000đ, mở ngày 19/9/2016 mẫn ngày 19/02/2018,
có 18 phần, chị Tu tham gia 01 phần. Chị Tu hót hui ở lần đầu tiên. Bà Th có
giao đủ tiền hui cho chị Tu 23.650.000đ sau khi trừ thảo hui. Sau khi lãnh hui,
chị Tu có đóng 09 lần hui chết thì ngưng, bà Th phải chèn hui thay chị Tu 07 lần
với số tiền 14.000.000đ.

Dây thứ hai: Hụi 500.000đ, mở ngày 29/9/2016 mãn ngày 29/01/2018, có 17 phần, chị Tu tham gia 01 phần. Chị Tu hốt hụi ở lần đầu tiên. Bà Th có giao đủ tiền hụi cho chị Tu 5.100.000đ sau khi trừ thảo hụi. Sau khi lãnh hụi chị Tu có đóng 08 lần hụi chết thì ngưng, bà Th phải chèn hụi thay chị Tu 08 lần với số tiền 4.000.000đ.

Dây thứ ba: Hụi 2.000.000đ, mở ngày 29/3/2017 mãn ngày 29/9/2028, có 18 phần, chị Tu tham gia 01 phần. Chị Tu hốt hụi ở lần đầu tiên. Bà Th có giao đủ tiền hụi cho chị Tu 24.160.000đ sau khi trừ thảo hụi. Sau khi lãnh hụi chị Tu có đóng 02 lần hụi chết thì ngưng, bà Th phải chèn hụi thay chị Tu 15 lần với số tiền 30.000.000đ.

Tổng cộng 03 dây hụi trên chị Tu còn nợ bà Th số tiền 48.000.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 30/12/2016 chị Tu có vay của bà Th số tiền 10.000.000đ, mỗi tháng đóng 500.000đ tiền lãi, không biết mục đích để làm gì, có làm biên nhận nợ do chị Tu ký tên và trực tiếp nhận tiền. Hứa 06 tháng sau trả nhưng đến nay không trả.

Sự việc chơi hụi và vay tiền giữa bà Th với chị Tu thì anh T là chồng chị Tu có biết. Vì vào thời điểm chị Tu tham gia chơi hụi anh T có cùng chị Tu đi đến nhà bà Th để đóng tiền hụi. Đối với số tiền vay, anh T có một số lần đại diện cho Tu lại nhà bà Th đóng tiền lãi nên anh T cũng biết sự việc này. Bà Th có nhiều lần tìm gặp và yêu cầu vợ chồng chị Tu trả nợ nhưng anh T không đồng ý.

Nay bà Th yêu cầu chị Nguyễn Thị Tu và anh Trần Văn T phải trả số tiền nợ hụi là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) và tiền nợ vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng), tổng cộng là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

** Tại bản khai ý kiến đề ngày 25/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Tu trình bày:*

Chị Tu thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Kim Th là chủ thảo và vay tiền của bà Th. Hiện nay, chị Tu còn nợ tiền hụi và tiền vay như lời bà Th trình bày.

Nay chị Tu đồng ý cho bà Th số tiền nợ hụi là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) và tiền nợ vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng), tổng cộng là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng).

Việc hơi hụi và vay tiền của bà Th chỉ có chị Tu trực tiếp giao dịch với bà Th, anh T không biết sự việc này. Mục đích tham gia chơi hụi và vay tiền của bà Th là để chị Tu chi tiêu cá nhân và lo con cái học hành.

** Tại bản khai ý kiến đề ngày 20/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Anh T và chị Tu ly thân không còn sống chung cách nay khoảng 05 năm nên sự việc chị Tu có tham gia chơi hụi và vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim Th như thế nào thì anh hoàn toàn không biết. Hiện nay, anh T và chị Tu vẫn còn quan hệ vợ chồng hợp pháp. Thường ngày chị Tu không chăm lo kinh tế gia đình gì, chỉ lo cho con cái học hành.

Nay bà Th yêu cầu anh T trả số tiền nợ hụi là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) và tiền nợ vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng), tổng cộng là

58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng) thì anh T không đồng ý vì khoản nợ này là giữ chị Tu và bà Th thì chỉ có chị Tu có trách nhiệm trả nợ cho bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Nguyễn Thị Kim Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản giữa bà và chị Nguyễn Thị Tu, anh Trần Văn T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Th yêu cầu chị Nguyễn Thị Tu và anh Trần Văn T phải trả số tiền nợ hụi là 48.000.000đ và tiền nợ vay là 10.000.000đ, tổng cộng là 58.000.000đ, không yêu cầu trả lãi. Chị Tu thừa nhận và đồng ý trả nợ cho bà Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày không biết sự việc chị Tu tham gia chơi hụi và vay tiền của bà Th. Việc chị Tu tham gia chơi hụi không vì mục đích chăm lo kinh tế gia đình. Anh T và chị Tu đã ly thân nên anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Th.

Tuy nhiên, chị Tu trình bày mục đích chơi hụi và vay tiền của bà Th một phần để chăm lo con cái học hành, anh T cũng có ý kiến trong gia đình chị Tu không chăm lo kinh tế gia đình nhưng có chăm lo con cái học hành. Mặc khác, chị Tu và anh T cùng xác nhận anh, chị vẫn còn quan hệ vợ chồng hợp pháp. Do đó, bà Th yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả nợ với chị Tu là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình và Điều 471 Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu của bà Th. Buộc chị Tu và anh T phải trả cho bà Th số tiền nợ hụi là 48.000.000đ và tiền nợ vay là 10.000.000đ, tổng cộng là 58.000.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; 466; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Th.

Buộc chị Nguyễn Thị Tu và anh Trần Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền nợ hụi là 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) và tiền nợ vay

là 10.000.000đ (mười triệu đồng), tổng cộng là 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Kim Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.450.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0008548, ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cho bà Nguyễn Thị Kim Th.

Buộc chị Nguyễn Thị Tu và anh Trần Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiệu

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiệu

Phạm Thị Lanh

